TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 256/2018/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 15 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Chị Mộng Lý Thu H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thanh T và chị Mộng Lý Thu H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, căn cứ vào các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

[2] Anh Nguyễn Thanh T và chị Mộng Lý Thu H chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2014, ngày đăng ký 10/4/2014. Theo quy định tại Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

[3] Tại Tòa án, anh T và chị H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không thống nhất trong việc ổn định nơi sinh sống của gia đình nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc, không còn sự quan tâm lẫn nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay. Anh T, chị H xác định tình

trạng hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh A, sinh ngày 28/3/2016. Anh chị đã thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Khánh A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; đảm bảo quyền thăm nom con chung của anh T. Đồng thời, chị H cũng thống nhất việc không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh T và chị H đoàn tụ nhưng không thành, anh T và chị H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Nguyễn Thanh T và chị Mộng Lý Thu H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Anh T, chị H có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh A, sinh ngày 28/3/2016. Anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Chị H thống nhất việc không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi, vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Anh T, chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh T chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 004819 ngày 10/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai. Chị H chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 004820 ngày 10/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai. Anh T, chị H đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đào Thị Kiều Vân